

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/TLST-DS.

Ngày: 20/7/2022.

Về việc: T/c hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đình Đức – Ông Nguyễn Văn Hoi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú B: Không tham gia.

Ngày 20/7/2022, tại hội T xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào Bính T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1988 (Có mặt).

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa Anh Đào Bính T khai: Do có mối quan hệ quen biết. Nên ngày 20/6/2017 anh có cho Anh Dương Văn T; trú tại: Xóm L, xã T, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên vay 500.000.000đ, có viết giấy biên nhận thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng, hẹn đến ngày 20/9/2017 anh T sẽ trả cho anh số tiền trên. Đến hạn thanh toán, anh đã đi lại đòi anh T rất nhiều lần, nhưng anh T không trả mà chỉ khất. Nay tự mình không đòi được, nên anh đề nghị

Tòa án giải quyết buộc anh T trả anh số tiền 500.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Anh Dương Văn T khai: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/6/2017, anh có vay của Anh Đào Bính T; trú tại: Xóm L, xã T, huyện Phú B một khoản tiền là 500.000.000đ, có viết giấy biên nhận, hẹn đến ngày 20/9/2017 anh trả hết tiền cho anh T, anh có để lại 01 giấy đăng kiểm xe ô tô BKS 20A 219.12 để làm tin. Sau khi vay tiền của anh T, anh cũng trả lãi cho anh T, số tiền lãi anh không nhớ là đã trả được bao nhiêu, vì khi trả lãi anh không yêu cầu anh T viết giấy nhận tiền lãi. Do làm ăn khó khăn nên từ đầu năm 2020 đến nay, anh không trả được tiền lãi cho anh T, còn số tiền gốc thì anh chưa trả cho anh T được đồng nào. Nay anh T kiện anh đến Tòa án huyện Phú B, yêu cầu anh trả cho anh số tiền 500.000.000đ tiền gốc thì anh cũng nhất trí trả cho anh T số tiền trên. Nhưng hiện nay anh gặp khó khăn về kinh tế, nên anh xin anh T không tính lãi suất với số tiền trên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Xác định quan hệ pháp luật: Anh Đào Bính T khởi kiện yêu cầu Anh Dương Văn T trả số tiền gốc đã vay còn nợ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là : “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Phú B. Nên thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tài liệu chứng cứ: 01 đơn khởi kiện của anh T đối với anh T; 01 sổ hộ khẩu của gia đình anh T; 01 căn cước công dân của anh T (phô tô công chứng); 01 giấy biên nhận vay tiền của Anh Dương Văn T đối với Anh Đào Bính T (Bản gốc).

[4]. Về nội dung: Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Ngày 20/6/2017 giữa Anh Đào Bính T cùng với Anh Dương Văn T có giao dịch hợp đồng vay tài sản, hai bên có lập biên bản hợp đồng vay tiền. Nội dung hợp đồng thể hiện Anh Dương Văn T có vay của Anh Đào Bính T số tiền 500.000.000đ tiền gốc, trên giấy biên nhận tiền không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên anh T xác định giữa anh T với anh T có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau, anh T cũng xác định đã trả lãi cho anh T đến đầu năm 2020, thì không trả được lãi cho anh T nữa vì có khó khăn về kinh tế.

Hội đồng xét xử xác định việc anh T có cho anh T vay tiền là có thật, có viết giấy biên nhận nợ tiền, thỏa thuận đến ngày 20/9/2017 sẽ trả hết số tiền trên. Nên cần phải buộc anh T phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho anh T.

[5]. Về lãi suất: Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T yêu cầu anh T phải trả lãi cho anh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của anh là có căn cứ nên chấp nhận ý kiến của anh T, cụ thể:

$500.000.000\text{đ tiền gốc} \times 0,85\% \times 61 \text{ tháng} = 259.250.000\text{đ tiền lãi}.$

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 759.250.000đ (Bảy trăm năm mươi chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[6]. Về án phí: Buộc Anh Dương Văn T phải nộp án phí DSST vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú B.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39, 147; 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Đào Bính T: Buộc Anh Dương Văn T phải có trách nhiệm trả cho Anh Đào Bính T số tiền cả gốc và lãi là 759.250.000đ (Bảy trăm năm mươi chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó số tiền gốc là 500.000.000đ, tiền lãi là 259.250.000đ.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Anh Đào Bính T có đơn yêu cầu thi hành, nếu Anh Dương Văn T không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền gốc mà anh T chậm thi hành án.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Anh Dương Văn T phải nộp 34.370.000 đồng án phí DSST có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Anh Đào Bính T được trả lại số tiền 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0002768 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú B.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HTND; DƯƠNG ĐÌNH ĐỨC – NGUYỄN VĂN HỘI